

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HS-PT

Ngày: 11-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Tấn Đức

2. Ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 440/2019/TLPT-HS, ngày 30/12/2019, đối với bị cáo Trần Văn T, về tội: “Trộm cắp tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 316/2019/HS-ST, ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T**; sinh ngày 20/10/1983 tại tỉnh: Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn HM, xã L, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị C (Đã chết); bị cáo có vợ là Lương Thị T và có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: Tại bản án số 16/HSST ngày 24/3/2004 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An đã xử và phạt Trần Văn T 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt vào ngày 03/10/2004 và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/8/2019 đến ngày 19/8/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/8/2019, Trần Văn T đi làm từ huyện B về huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Khi đi đến khu vực đường MB, thuộc tổ dân phố B, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thì thấy có 01 rẫy trồng sầu riêng bên đường có nhiều quả, không

có bờ rào bảo vệ, nên T nảy sinh ý định trộm cắp quả sầu riêng bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 19 giờ, ngày 09/8/2019, Trần Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số: 47B1-222.xx, mang theo 01 đôi găng tay vải màu trắng, 01 con dao cán màu vàng, dài khoảng 22cm và 01 chiếc giỏ xách loại lớn, đi đến rẫy có trồng cây sầu riêng, tại khu vực đường MB thuộc tổ dân phố B, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vườn cây sầu riêng do anh Lê Quang V, sinh năm 1987, trú tại: Đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là người quản lý. Tại đây, T đeo găng tay, đi đến các cây sầu riêng dùng dao cắt quả sầu riêng ở tầm thấp, khi cắt được 57 quả sầu riêng thì bị anh V và anh Dương Quang Đ là người làm rẫy phát hiện, bắt quả tang Trần Văn T và giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột xử lý và tạm giữ: 57 quả sầu riêng, loại Dona, tổng khối lượng là 88kg; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đỏ - trắng - đen, biển số: 47B1-222.xx; 02 chiếc găng tay vải màu trắng; 01 con dao cán màu vàng, dài khoảng 22cm; 01 chiếc giỏ xách, bằng nhựa, màu xanh và 01 giấy phép lái xe số: 660163021948 mang tên Trần Văn T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 232/KLĐG ngày 22/8/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 57 quả sầu riêng, loại sầu riêng Dona, có tổng khối lượng là 88 kg, trị giá: 88kg x 50.000 đồng/kg = 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 316/2019/HS-ST, ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/8/2019 đến ngày 19/8/2019.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2019 bị cáo Trần Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, mức hình phạt 09 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo, buộc cách ly bị cáo với xã hội là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, bởi lẽ: Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn và đã được thu hồi trả cho bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; người bị hại đã có đơn bãi nại xin giảm nhẹ cho bị cáo, đồng thời bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội, mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam

giữ đối với bị cáo cũng đủ tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 năm cải tạo không giam giữ. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận gì, bào chữa gì và chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng khoan hồng và tự cải tạo ở ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 19 giờ ngày 09/8/2019, tại khu đất rẫy trồng cây sầu riêng thuộc tổ dân phố B, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do anh Lê Quang V là người quản lý, bị cáo Trần Văn T đã lén lút trộm cắp 57 quả sầu riêng, loại Dona, có tổng khối lượng là 88kg, thì bị phát hiện xử lý, tài sản bị cáo chiếm đoạt qua định giá có trị giá là 4.400.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm xử phạt hình phạt tù và buộc cách ly bị cáo với xã hội là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, bởi lẽ: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn và đã được thu hồi trả cho bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải và người bị hại đã có đơn bãi nại xin giảm nhẹ cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, do đó cần xem xét, cân nhắc để áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, để bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp, như vậy cũng đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt. Hiện tại bị cáo làm thuê, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, nên cần miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bị cáo Trần Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 316/2019/HS-ST, ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 10/8/2019 đến ngày 19/8/2019 là 10 ngày, quy đổi bằng 30 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Trần Văn T còn phải chấp hành 01 (một) năm 11 (mười một) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ I);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA T. Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND xã E, huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình